金雲翹傳

POÈME

KIM, VÂN, KIỀU

TRUYỆN

TRANSCRIT POUR LA PREMIÈRE FOIS EN QUỐC-NGỮ
AVEC DES NOTES EXPLICATIVES, ET PRÉCÉDÉ D'UN RÉSUMÉ
SUCCINCT DU SUJET EN PROSE

P. J.-B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

AUGMENTÉ ET ILLUSTRÉ

3e ÉDITION

載士
記永張

3e ÉDITION

Illustrations de NGUYỄN-HỮU-NHIỀU

PRIX : 2 $ 00

SAIGON
F.-H. SCHNEIDER, ÉDITEUR
1911

AVANT-PROPOS

Le poème que nous publions en quốc-ngữ, est celui qui est dans la bouche de tous les Annamites, hommes comme femmes, garçons comme filles. Il est le plus estimé, le plus goûté des lettrés, des illettrés et même des femmes, à cause de la morale qu'il renferme, si bien expliquée, si heureusement présentée sous tous les rapports, si justement appropriée à toutes les circonstances de la vie humaine. Est-on chagriné, on y puise des consolations ; est-on au comble de ses vœux, on y trouve l'image de son bonheur peinte avec des couleurs si vives, qu'on en ressent doublement le prix.

Les maximes, les locutions exquises, les expressions sentimentales y abondent ; les principes généraux et particuliers de la vie sociale y sont nettement et clairement exposés. S'agit-il des vicissitudes de la vie humaine ? On y voit une description merveilleuse de ce labyrinthe de l'existence.

L'effet moral de ce poème s'exerce sur toutes les classes et dans toutes les conditions des hommes. C'est là son mérite fondamental, appuyé d'ailleurs de tout le poids de l'instruction, de l'expérience et du talent de l'auteur, homme très versé dans la littérature annamite, second père, on peut le dire, de la langue vulgaire versifiée.

Nguyễn-Du, ce poète éminent, fut Hữu-tham-tri du ministère des rites. Son père était le grand

prince (Đại-vương) Nghiêm, du temps de la dynastie de Lê. Il composa son poème sous le règne de Gia-long, premier empereur de la dynastie actuelle (Nguyễn) et il conquit d'un seul coup les suffrages du souverain et de la cour.

L'autorité et l'approbation des hommes de lettres sanctionnèrent son ouvrage comme le chef-d'œuvre de la poésie en langue annamite parlée.

Nous avons mis toute notre attention à en faire une transcription rigoureuse, et l'orthographe précise que nous avons observée dans les accents comme dans les finales des mots, pourra profiter, nous l'espérons, à ceux qui poursuivent l'étude et la connaissance du quốc-ngữ, cette forme du langage écrit, nouvelle encore bien que comptant plus de deux siècles et demi d'existence et destinée à faire marcher rapidement ceux qui s'y adonneront, dans la voie des connaissances humaines.

Remarquons encore ici qu'il est bien regrettable de voir aujourd'hui des innovations futiles et même compliquées faites par suite de caprices de certains auteurs de livres publiés en quốc-ngữ, qui ne produisent que les sons faux ou affectés (1) et la pro-

(1) L'affectation des sons *ch* pour *tr*; *x* pour *s* provient primitivement des femmes de Chợlớn collées aux Chinois, qui venaient en jonques une ou deux fois par an en y apportant des marchandises du Nord. Les Annamites leur louent des magasins construits en briques (tầu-khậu) à Chợlớn : pied-à-terre ou lieux de réunion des marchands chinois. Comme ceux-ci ne peuvent prononcer certaines lettres consonnes, prononcent, par exemple, le *d* comme *l*, ou *l* ; l'*r* comme *gi*; et *tr* comme *ch*... Pour faciliter l'intelligence de mots difficiles

nonciation vicieuse locale, au détriment de la vraie orthographe véritablement et homogénément annamite ; qu'il en est de même pour les langues laotiennes du haut et du bas Laos, qui sont d'origine siamoise. Pourquoi ne veut-on pas adopter le quốc-ngữ siamois sanctionné déjà par l'usage et par des publications sérieuses ? Comme pour le cambodgien, il existe un quốc-ngữ consacré à lui, déjà fixé par l'usage et par des publications dans cette langue. Pourquoi veut-on inventer un autre système aussi conventionnel que celui qui existe ?

Revenons à notre quốc-ngữ. Dans le poème populaire du Kim, Vân, Kiều transcrit et publié dernièrement à Hànội, on adopte *par simplification*, en confondant comme orthographe, pour les consonnes *ch* et *tr*, une seule et même consonne *ch* ; pour les *d*, *gi*, et *r* celle du *d*, non barré, et pour *s* et *x*, celle de l' *s*,

Je demande comment on peut distinguer les mots, en les écrivant suivant la *simplification* innovée, des phrases suivantes ?

à prononcer à leurs amants, ces femmes affectent la prononciation chinoise ; ainsi, elles disent *chài chàu* pour *trài trâm* ; *tậu* ou *tậu phộng giang* pour *đậu phộng rang* ; *lí lâu* pour *dì đâu*.....Par suite du temps, on croyait, comme c'était nouveau, que ces faux sons étaient meilleurs ou plutôt plus agréables à l'oreille et plus à la mode.

Cela se répandait chez les femmes vulgaires et puis, peu à peu, chez certains hommes peu instruits ou illettrés.

Les relations commerciales entre Sàigòn et Hànội devenant de plus en plus actives et fréquentes, les gens de Hànội dans leurs rapports avec les gens venus de Sàigòn finirent par imiter et adopter cette prononciation affectée.

D. — pour *d*, *gi*, et *r*.

Di dạy đống di mà mầy di chậm di chậm dịt thế ?
Dầu nó dầu-dĩ đèn-siết di-da di-dít cũng *chẳng da di ?* ông *da* tôi lấy *da* cây *da*, *da* cây *dà da* vị làm thuốc *dã dượu* để *đánh*, người-ta *dộn-dực đánh* nhau mà mua.
Có di duột dập đống di mà sợ ?

Ch — pour *ch* et *tr*.

Chàng chòu choug chung tuần.
Che chôi choug chòm *che* cho *chau chàu* ngồi *chơi*,
Cho *chọu chữ* thì *chung* phải *chọu chồng* cho *chung* tin.

S. — pour et *x*.

Sao đứa *sinh da chước sem sinh-dẹp sổn-sơ sạch-sẽ*, đứa *sinh sau sao sầu-sa do-dáy ?*
Sậy sa sup suống sòng sâu chôi cùng *sa* cùng *siêu dầu-dầu sụt suống* mất di.

Cette confusion devenant *simplification* compliquée nuit à la vraie prononciation annamite et crée aux Européens de nouvelles difficultés. Je défie n'importe quel Annamite de l'Annam et de la Cochinchine de pouvoir les lire suivant la vraie prononciation et la vraie orthographe, à plus forte raison un Européen. Voici l'orthographe exacte des phrases ci-dessus citées :

D, gi, r.

Di dạy giống gì mà mầy đi *chậm ri chậm rít* thế ấy.

Dầu nó *vẫn-rĩ rèn siết ri-ra ri-rít* cũng chẳng *ra-gì*.

Ông *da* tôi lấy *da* cày *da, da* cày *dà gia* vị làm thuốc *dã rượu* để *đánh* người-ta *rộn rực giành* nhau mà mua.

Cô *di ruột giùp giống gì* mà *sợ?*

Ch, tr.

Trang tròn trong trung tuần. *Che chói trong chòm tre cho chân trâu* ngồi chơi.

Cho trọn chữ thì *chung* phải *chọn chồng cho* trung *tin*.

S.

Sao dừa *sinh ra trước xem xinh* đẹp *sổm-sơ sạch-sẽ*. dừa *sinh sau xem sao xấu-xa dơ-dáy?*

Sậy sa sụp xuống sông sân trôi càng xa càng *xiên dần-dần* (lần-lần) *sụt xuống* mất đi.

Que chacun les prononce à sa fantaisie et suivant sa prononciation locale, en respectant la vraie orthographe. Ecrits et prononcés ainsi, ces mots sont tous parfaitement compris par les Tonkinois de n'importe quelle province du Tonkin. Donc, c'est bien là la vraie orthographe.

— ——

Sách nầy là sách ông Nguyễn-Du, hữu tham tri bộ lễ, làm ra; sách nầy dặt hay hơn hết các sách. Hãy coi trong tựa tiếng langsa

TÍCH TÚY-KIỀU

Đời *Gia-tĩnh* nhà *Minh*, có họ *Vương* làm quan viên-ngoại, sinh được ba đứa con. con út trai là *Vương-quan*. con đầu lòng hai đứa gái là *Túy-Kiều* vuối *Túy-Vân*, hai gã nhan sắc đẹp-đẽ xinh-tốt quá chừng, lại thêm học-hành thông-minh, lịch-sự đủ đều, cầm, kỳ, thi họa chẳng thua ai.

Lúc ấy nhằm tiết tháng ba, người-ta hay đi tảo mộ. Ba chị em mới rủ nhau đi chơi xuân, đi qua khỏi suối. *Túy-kiều* thấy cái mồ con *Đạm-tiên*, không ai giẫy cỏ, không ai viếng-thăm, thì nghĩ lại cái điều hồng-nhan bạc phận mà khóc, hồn *Đạm-tiên* về hóa thơ vuối *Túy-kiều*. Vừa chiều tối, ba chị em dắc nhau ra về, gặp *Kim-trọng* là bạn học với *Vương-quan*, chào hỏi chuyện-vãn, hai chị em lạ khép-nép giấu mặt.

Về nhà *Túy-kiều* đêm nằm trằn-trọc, chiêm-bao thấy *Đạm tiên* về nói chuyện về nỗi đoạn trường đến sau. *Túy-kiều* vùng khóc lên, mẹ nghe được hỏi làm sao vậy, thì nó nói chuyện chiêm-bao lại cho mẹ nó nghe. Thì mẹ nó la nó, biểu nó đừng có tin chiêm-bao mộng-mị, có thật vào đâu.

Còn chàng *Kim-trọng* từ khi gặp mặt *Túy-kiều* về cứ tưởng nhớ luôn-luôn, nên chạy tới chỗ gặp khi trước, thì lại càng không thấy người, lại càng thương nhớ lắm: Cuốn gói đi thẳng qua *Lam-kiều* tìm nhà *Túy-kiều*. Tới đó thấy tòa nhà cao lớn, mà

xung-quanh có xây tường kín đi hết. Ngó thấy đàng sau có cái nhà, mới hỏi mướn dặng có ở mà học.

Đem đồn đem sách tới, dọn ở đó đã hơn hai tháng mà không gặp mặt *Túy-kiều*.

Bữa ấy *Túy-kiều* ra dạo vườn hoa chơi dưới gốc cây đào, anh ta nghe hơi có nó ra, thì chạy ra, trèo vách dòm vô. Con kia nghe động đã thốt vô đóng cửa lại rồi. Ngó quanh ngó quất thấy cây trâm giắt nơi nhánh đào, liền với tay lấy trâm cầm về. Sáng ngày ra *Túy-kiều* dậy chải-gỡ biết mất trâm mới ra mới kiếm.

Bên này anh ta mới lên tiếng hỏi ai có mất trâm hay không? *Túy-kiều* thưa, ai có được thì xin cho lại. Anh ta chạy vô lấy thêm hai chiếc xuyến vàng gói vô cái khăn lụa, ra, leo lên, mới tỏ sự-tình với *Túy-kiều*. Con *Kiều* nói, sự dựng vợ gả chồng là tại cha mẹ, mình còn thơ ấu dám biết đâu. *Kim-trọng* này-nỉ gần-vá xin cho một tiếng cho chắc rằng chịu thì thôi. *Kiều* liền chịu, giao trâm, khăn, xuyến, quạt rồi ai về nhà nấy.

Cách ít bữa tới ngày ăn lễ sanh-nhựt ông ngoại *Túy-kiều*, cả hai ông bà và hai em *Túy-kiều*, đều đi, để chị ở nhà coi nhà. Chị ta ở nhà một mình thong-thả, đeo đồ vào, đánh áo đánh quần, đóng cửa, ra phía sau, thốt qua nhà *Kim-trọng*. Leo qua gặp *Kim-trọng* dắc vào nhà, ở đó trò-chuyện, làm thơ, làm phú, đánh đờn đánh địch, thề nguyền với nhau cho một ngày một đêm ; khuya lại *Kim-trọng* muốn xáp việc, mà ra không cho. Sáng ra tứ-giã trở về. *Kim-trọng* được thơ nói chú chết, nên lo về chịu tang. Con *Kiều* về, thì kể lấy cha mẹ nó về. Rủi đâu việc chi không biết, quan quân tới hắt cha nó.

tịch-phong nhà cửa hết. *Túy-kiều* thương cha, nên lo đi bán mình mà chuộc cha. *Mã-giám-sanh* là tay ngoài mụ *Tú-bà* làm tâu-kê, mua lấy nó.

Đem nó về lầu xanh, nó không chịu làm dĩ, nó lấy dao cắt cổ, tức mình vì tưởng mua về làm vợ, ai hay mua về bắt làm dĩ, thấy vậy mời dỗ nó, thôi thì ở đó, chớ có ai muốn thì gả nó lấy vốn lại.

Thúc-sanh tới buôn bán, đi chơi đó gặp *Túy-kiều* ưng ý liền chuộc lấy, đem về làm vợ. Cha *Thúc-sanh* la-dức con sao có cưới đồ dĩ làm gì. *Thúc-sanh* không chịu bỏ, thì *Thúc-ông* là cha va, đi tới phủ đường mà thưa. Ông phủ tra hỏi rồi đem *Kiều* ra đánh đòn. *Thúc-sanh* đau lòng đứng thút-thít khóc, quan hỏi, bẩm nói nó là đứa có tài nên tiếc. Quan mới dạy nó làm thơ, đánh đờn mà coi. Hàn nó là gái có tài lại có nhan sắc, nên quan phủ khuyên cha *Thúc-sanh* biểu cho nó lấy nhau. Từ ấy về sau cha con hòa-hiệp, lại càng đem lòng thương *Túy-kiều*.

Con *Kiều* là đứa biết đều, biết *Thúc-sanh* có vợ lớn ở bên nhà, nên năng nói biểu về mà nói cho vợ chính hay kẻo sau rầy-rà khó-lòng. Mà *Thúc-sanh* về thì về chớ giấu không cho con *Hoạn-thơ* là vợ chính biết. Trong nố bạn-bè có thằng *Ưng* với thằng *Khuyển* về mét thót với *Hoạn-thơ*. Con *Hoạn-thơ* nổi máu ghen, cho quân ấy qua lén đốt nhà, bắt con *Túy-kiều* đem về giao cho mẹ nó hành-hà đày-đọa.

Lúc cháy nhà, thì quân bạn vớt xác chết trôi nêm vào đó để làm tang. *Thúc-sanh* khi ấy đi khỏi. Cha va ở nhà chạy qua thấy nhà cháy tan-hoang, lại có gặp xương nên tưởng *Túy-kiều* đã bị chết thiêu

rồi. *Thúc-sanh* về nghe nói lại râu-rỉ khóc-lóc. Mới mướn thầy pháp đánh đồng thiếp mà kiếm *Tùy-kiều*. Thì thiếp nói nó còn sống, không có chết : Một năm nữa sẽ thấy nhau mà không dám nhìn. *Thúc-sanh* không tin mắng thầy nói bậy.

Bên kia bà mẹ *Hoạn-thơ* hành con *Kiều* cho đến, rồi lại giao về cho con *Hoạn-thơ*.

Thúc-sanh về thì con *Hoạn-thơ* bắt nó ra lạy mừng thay, bắt hầu-hạ đó. *Thúc-sanh* thấy biết mà không dám nhìn. Sau thấy dây-dọa quá tội-nghiệp thì nói với *Hoạn-thơ* biểu nới tay, đừng có hành-hạ quá mà thất đức, thì *Hoạn-thơ* mới cho ra ở giữ chùa *Quan-âm-các*.

Cách ít bữa, *Hoạn-thơ* giả đò về thăm mẹ, mà trá núp rình coi ; mới thấy *Thúc-sanh* vô chùa nói chuyện với *Tùy-kiều*. Vợ hoi đi đâu vậy, thì nói đi coi người viết kinh, chứ viết tột lam. Hai vợ chồng dem nhau về, để con đòi ở lại đó. *Kiều* hỏi thì biết nó với *Hoạn-thơ* đã rình nghe ngoài vách, nên tính bề trốn đi. Mà sợ bơ-vơ đói biết lấy chi mà ăn, nên an-cắp cái chuông vàng với cái khánh bạc, khuya nhảy vách ra đi. Sáng ra lời chùa *Giác-duyên*, vô đó nói mình *Bắc-kinh*, sư-trưởng sai đem chuông khánh cúng, thì bà *Giác-duyên* biểu ở đó mà chờ sư-trưởng qua.

Ít lâu có người ở am *Hoạn-thơ* qua chơi thấy chuông vàng, khánh bạc mới nói bên am ấy có mất đồ đó. Tối lại bà *Giác-duyên* tra *Tùy-kiều*, thì *Tùy-kiều* nói thiệt ra. Biểu lo mà trốn đi, thì lại gởi cho bà *Bạc-bà* lãnh về, dem gả cho cháu tên là *Bạc-hạnh*. *Bạc-hạnh* dem về *Châu-thai* bán lại cho tân-kê. Mà *Tùy-Kiều*, cũng không chịu làm đĩ.

Sau *Từ-hải* tới đó chơi thích ý muốn chuộc nó đem về làm vợ. Dọn nhà cửa cho ở được nửa năm. Khi ấy *Từ-hải* tính đi làm giặc. *Kiều* xin đi theo, mà *Từ-hải* không cho, nói bận chơn, bận cẳng, khó lòng. hãy ở lại nhà, nội trong một năm sẽ về rước. Thì thật một năm *Từ-hải* làm giặc được trở về rước. Khi ấy oai quốn lớn, anh-hùng nhứt xứ, làm lớn thiên hạ, *Tùy-kiều* mới xin mà trả ân oán cho rõi.

Vậy sai quân đi mới *Thúc-sanh*, mụ già ở với mẹ con *Hoạn-thơ* với bà *Giác-duyên*; bắt *Tú-bà*, *Mã-giám-sanh*, con *Hoạn-thơ*, *Bạc-hạnh*, *Bạc-bà*, thằng *Ưng*, thằng *Khuyển*, đem về đền ơn trả oán.

Thúc-sanh thì cho một trăm cuốn gấm, một ngàn cân bạc;

Mụ già và bà *Giác-duyên* một trăm lượng vàng;

Hoạn-thơ thì nhiếc bỏ xó rõi tha về;

Còn bao nhiêu chém hết.

Rõi ra lạy tạ chồng vì nhớ chồng mà đền ơn trả oán được.

Tùy-kiều cầm bà *Giác-duyên* lại chơi ít lâu, vì ở còn chưa định sở, sợ sau khó gặp nhau, thì bà *Giác-duyên* nói: « Không hề gì; năm năm nữa gặp nhau tại sông *Tiền-đường*, ấy là lời bà *Giác-sư* nói tiên-tri. »

Lúc ấy Tráo sai ông *Hồ-tông-Hiến* ra đánh *Từ-hải* mà liệu thế đánh không lại, nên sai sứ đem lễ vật cho *Tùy-kiều* với *Từ-hải*, khuyên ra hàng-đầu thú tội. *Từ-hải* dùng dằng không chịu đầu. *Tùy-kiều* năn-nỉ nói thiệt hơn, biền thì đầu đi cho được chữ trung chữ hiếu: Trước là được về gặp cha mẹ, sau là được trung với vua. *Từ-hải* bèn nghe lời bỏ giáo hàng-đầu.

Túy-kiều cho tin cho *Hồ-tông-Hiến* đem quân-gia ra rước, chẳng ngờ dạy quân bắn *Từ-hải* đi. *Từ-hải* chết mà không ngã. Quân về nói lại với *Túy-kiều*. *Túy-kiều* ra khóc-lóc nói là tại mình cho nên chồng mới chết làm-vậy, thì xác té xuống. Quân bắt *Túy-kiều* đem vô, *Hồ-tông-Hiến* hỏi *Túy-kiều* muốn xin đi-gì với Triều-đình vì công dã giúp lời cho *Từ-hải* ra đầu. *Túy-kiều* hằm không có công gì, một xin xác *Từ-hải* đem về chôn.

Hồ-tông-Hiến mở tiệc đãi quan quân tướng sĩ, đem *Túy-kiều* về chơi một đêm. Sáng ngày ra tỉnh rượu mới giựt mình sợ e mình lấy vợ giặc có tội với Triều đình, nên đem gả cho thổ-quan đất ấy.

Thổ-quan đem kiệu rước về đem xuống tàu đậu nơi sông *Tiền-đường*. Nghe sóng gió ầm-ầm, hỏi quân ở đó là đâu ? Quân nói là sông *Tiền-đường*, liền nhớ lại lời tiên-tri bà *Giác-sư* (là bà *Tam-hiệp*) bèn đâm đầu xuống sông.

Bà-*Giác duyên* biết lời tiên-tri ấy thuở trước, dã tới che lều ở đó sớm tối mướn chài, chài lên chài xuống hoài, khi ấy mới chài được vớt lên đem về am nuôi.

Còn *Vương-quan* và *Kim-trọng* lấy *Túy-vân* thế con *Túy-kiều*, thì đậu vua sai đi ngồi tri-huyện các xứ ấy, nhớ đến hồi thăm người ta có biết có nghe tích con *Túy-kiều* hay không, thì người-ta nói có, mà không biết bây-giờ ở đâu. Kiếm tìm hoài không ra.

Năm ấy cải nhậm, vua sai đi ngồi xứ khác, hai anh em đi tới sông *Tiền-đường*, nghe nói *Túy-kiều* chết tại đó thì rước thầy làm chay, đặt bài vị mà tế. Mụ *Giác-duyên* đi coi thấy mộc-vị thì biết là tế con *Túy-kiều*, mới hỏi là ai tới làm chay biết là anh

em, cha mẹ *Tùy-kiều* thì nói *Tùy-kiều* còn sống ở tại am mình. Đác về nhìn ra thiệt tích. Đem nó về, nó không chịu về. Cha mẹ la dức nói muốn tu thì sẽ lập am tại nhà cho mà tu, cùng rước ba *Giác-duyên* về đó tu với nó, thì nó mới chịu về.

Am-tự lập xong rồi, cho đi tìm rước bà *Giác-duyên* thì đã mất đi bao giờ biệt tăm biệt tích.

KIM, VÂN, KIỀU TRUYỆN

Tài cao thì mạng kém; được bề nầy, mất bề kia không hề cân nhau bao-giờ.

Trăm năm, (1) trong cõi người-ta,
chữ tài chữ mạng (2) khéo là ghét nhau!
Trải qua một cuộc bể dâu, (3)
những điều trông thấy dã đau-đớn lòng!
Lạ chi bỉ sắc tư phong? (4)
trời xanh quen với mà hồng đành ghen?

Tài sắc ba chị em Tùy-Kiều.

Kiều thơm (5) lần dở trước đèn,
phong-tình cổ lục còn truyền sử xanh.
Rằng năm *Gia-tĩnh* triều *Minh*,
bốn phương phẳng-lặng, hai kinh (6) vững-vàng;
Có nhà Viên-ngoại họ *Vương*,
gia-tư nghĩ cũng thường-thường bực trung.
Một trai con thứ rốt lòng,
Vương-quan là chữ nối dòng nho-gia.

---

(1) — Đời người-ta một trăm năm làm hạn, vì vậy « Ba vạn sáu ngàn ngày » « Bá niên giai lão. »

(2) — Hữu tài vô mạng, hữu mạng vô tài, tài mạng tương đố. Hễ có tài thì không có mạng, mà có mạng thì lại không có tài, nên rằng: tài mạng ghét nhau, ganh nhau.

(3) — Tam thập niên vi nhứt biến, thương hãi biến vi tang điền, tang điền biến vi thương hãi. — Chỉ cuộc đời hay đổi-dời. Vực hóa cồn, cồn hóa vực.

(4) — Kia rít ấy chới. — Được cái kia ít, thì cái ấy nhiều, không cân nhau bao-giờ.

(5) — Sách hay, bản hay

(6) — Là Nam-kinh với Bắc-kinh. — Bắc là Yên-kinh, nam là Kim-lăng.

Đầu lòng hai ả Tố-nga, (1)
Túy-kiều là chị, em là *Túy-vân*.
Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần, (2)
một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang-trọng tót vời,
khuôn lưng đầy-đặn, nét người nở-nang
Hoa cười ngọc thốt đoan-trang, (3)
mây thua nước tóc, tuyết nhường mán da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
so bề tài sắc lại là phần hơn.
Gương thu thủy, vẻ xuân sơn, (4)
hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh;
Một đôi nghiêng nước nghiêng thành,
sắc đành đôi một, tài đành hòa hai:
Thông-minh vốn sẵn tư (5) trời,
vẹn nghề thi họa, đủ nghề ca ngâm.
Cung thương làu bực năm âm, (6)
nghề riêng ăn đứt, hồ cầm (7) một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
một thiên bạc-mạng lại càng não nhân.

---

(1) — Nàng *Tố-nga*, hay-là gã *Hằng-nga*, là thằng cuội ở trên trăng. — Chỉ là tiên, xinh-tốt.

(2) — Cốt-cách diệu-dàng như mai, tinh-thần trắng trong như tuyết.

(3) — Ngay-thẳng, tử-tế, dề-dạm.

(4) Nhãn hoành thu thủy, mi tợ viễn sơn. — Con-mắt trong như nước mùa thu, chang-mày như hình núi coi xa.

(5) Thiên tư. — Tành trời cho.

(6) — Là cung, thương, giác, trỉ, vũ.

(7) Hồ cầm. — Cái nguyệt cầm. Đàng nó bởi bên mọi Hồ bày ra nên kêu là Hồ cầm.

hanh-minh trong tiết tháng ba, lễ là tảo mộ, gọi là đạp thanh.
ln xa mảo-mức ẩn-ảnh, chị em sắm-sửa bộ hành chơi xuân.

(Coi trang 26

Phong-lưu rất mực hồng-quần,
  xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê. (1)
Ym-niềm (*hay là* iềm-liềm) trướng xủ màn che,
  tướng đông ong bướm, đi về mặc ai.

Ba chị em đi ăn thanh-minh.

Mùa xuân con én đưa thoi,
  thiều-quang (2) chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chơn trời,
  thành lê trắng điểm một vài bông-hoa.
Thanh-minh (3) trong tiết ngày ba,
  lễ là tảo mộ, gọi là dạp thanh.
Gần xa náo-nức én-anh,
  chị em sắm-sửa bộ hành chơi xuân.
Dập-dều tài tử giai-nhơn,
  ngựa-xe như nước, áo-quần như nêm. (4)
Ngổn-ngang gò đống kéo lên,
  thoi vàng bỏ rắc, tro tàn giấy bay.

Túy-Kiều ghé viếng mả Đạm-Tiên.

Tà-tà bóng ngã về tây, (5)
  chị-em thơ-thẩn rau tay ra về.

---

(1) — Thập hữu ngũ niên nhi kê. Đến mười lăm tuổi gái mới giắt trâm, nên kêu *Tuần cập kê*, là tới chừng mười lăm tuổi.

(2) — Cửu thập thiều quang. — Chỉ mùa xuân ba tháng (là 90 ngày) mà ngoài sáu mươi là đã qua khỏi hai tháng rồi, vừa qua mồng ba tháng ba.

(3) Tiết thanh-minh. — Ngày mồng ba tháng ba đi giẫy mả. — Hán thực, tích *Tấn-văn-công* tìm *Giả-tử-suy*; cấm lửa ba ngày vì thương tiết Tử-suy bị đốt rừng cho mà ra mà không ra ở trong ấy mà chết.

(4) — Người-ta đông dập-dìu, chật như nêm.

(5) — Chiều, mặt-trời xiêng lặn.

Bước dần theo ngọn tiểu khê,
  lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.
Nao-nao dòng nước uốn quanh,
  nhịp cầu nhỏ nhỏ cuối gánh bước sang.
Sở sở nấm đất bên đàng, (1)
  dàu-dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng sao trong tiết thanh minh,
  mả đây hương-khói vắng-tanh thế mà?
Vương-quan mới dẫn gần xa,
  Đạm-tiên nàng ấy xưa là ca nhi. (2)
Nổi danh tài sắc một thì,
  xôn xao ngoài cửa hiếm gì ên anh?
Kiếp hồng nhan có mong-manh, (3)
  nửa chừng xuân, thoạt gãy nhành thiên-hương! (4)
Có người khách ở viễn-phương,
  xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi;
Thuyền tình (5) vừa ghé đến nơi,
  thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ: (6)
Phòng không lạnh ngắt như tờ,
  dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh;
Khóc than khôn xiết sự tình,
  khéo vô duyên bấy là mình (7 với ta!

---

(1) Nấm đất. — Mã, đắp mô lên.
(2) — Con hát. — Con đĩ.
(3) Mong-manh. — Mỏng-mẻo, mỏng-mảnh. Hồng nhan bạc phận.
(4) — Quốc-sắc thiên hương. — Trang mĩ nữ. xinh.
(5) — Tình nhơn. — Người có tình, phải lòng....
(6) — Trâm chiết bình trầm. — Chết đi rồi.
(7) — Mình là chỉ con *Đạm-tiên*.

Dã không duyên trước chẳng thá,
  thì chi chút dịch (1) gọi là duyên sau?
Sắm-sanh nịp giấy xe châu, (2)
  vùi nông (3) một nắm mặc dầu cỏ hoa;
Trải bao thỏ lặn ác tà, (4)
  ấy mồ vô chủ, ai mà viếng-thăm?
Lòng đâu sẵn mối thương-tâm,
  thoạt nghe, *Kiều* dã dầm dầm châu sa.
Dau-đớn thay phận đờn-bà!
  lời rằng: bạc-mạng cũng là lời chung.
Phụ-phàng chi bấy hóa-công? (5)
  ngày xanh mòn-mỏi má hồng phui-pha?
Sống làm vợ khắp người-ta,
  hại (6) thay thác xuống làm ma không chồng?
Nào người phụng chạ loan chung?
  nào người tiếc lục tham hồng là ai?
Đã không kẻ đoái người hoài,
  sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đàng,
  họa là người dưới suối vàng (7) biết cho.

---

(1) — Chút dính, chút xiêu.
(2) Nịp giấy — là rương để đồ minh-khí. — Xe châu — Nhà táng, nhà vàng, rạp để chôn xác.
(3) Chôn cạn-cạn.
(4) — Biết đã bao lâu năm đã qua rồi. Nhựt nguyệt vãng lai bất trí kỷ niên. Thỏ là thỏ bạc Mặt trăng. Ác là vàng. — Mặt trời
(5) — Tạo hóa công — Thợ trời; Đứng đựng nên trời đất muôn vật.
(6) — Thương hại thay!
(7) Hoàng tuyền khách. Âm-phủ.

Dập-dều tài-tử giai-nhơn, ngựa-xe như nước, áo-quần như nêm
Ngổn-ngang gò đống kéo lên, thoi vàng bỏ rác, tro tàn giấy bay

(*Coi trương 20*).

Lám đám khấn-vái nhỏ to,
  sụt ngồi và gật 1 trước mồ bước ra ;
Một vùng cỏ ấy bóng tà, 2.
  gió hiu-hiu thổi một và ngọn lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
  vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê-mẩn tâm thần,
  lại càng đứng sững tần-ngần chẳng ra
Lại càng ủ-dột nết hoa,
  sầu tuôn đứt nối châu sa vắn dài.
Vân rằng : chị, cũng nực cười
  khéo dư nước mắt khóc người đời xưa ?
Rằng hồng-nhan tự thuở xưa,
  cái điều bạc-mạng có chừa ai đâu ?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
  thấy người nằm đấy biết sau thế nào ?
Quan rằng : chị nói hay sao ?
  một điều là một vần vào khó nghe ?
Ở đây âm-khí nặng-nề,
  bóng chiều đã ngã, dặm về còn xa.
Kiều rằng : những dùng tài-hoa,
  thác là thấy-phách, 3 còn là tinh-anh.
Dễ hay tinh lại gặp tinh,
  chớ xem ất thấy hiển-linh bấy-giờ.
Một lời nói chưa kịp thưa,
  phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Áo-áo đồ lộc rung cây,
  ở trong dường có hương bay ít nhiều.

---

(1) Và gật — Vái cái gật đầu. — Lạy vái cái.
(2) Cỏ ấy — Cỏ xấu. — Bóng tà. Chiều. (Thái dương ảnh tà
(3) — Tử kiến tinh phách. Thấy vía người mất. Tinh anh (Sanh thị anh minh). Thông-minh.

Đề chừng ngọn gió lần theo,
  vít giây từng bước in rêu rành-rành.
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
  nàng rằng : nầy thật tinh thành chẳng xa
Hữu tình ta lại biết ta,
  chẳng nề u hiển mới là chị em ?
Đã lòng hiển hiện cho xem,
  tạ lòng nầy lại nối thêm vả lời.
Lòng thơ lai-láng bồi hồi,
  gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Túy-Kiều gặp Kim-Trọng phải lòng mình.

Dùng-dằng dở ở dở về,
  lạc vàng dâu đã tiếng nghe gần-gần.
Trông chừng thấy một văn-nhân,
  lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng (1)
Đề-huề lưng túi gió trăng. (2)
  sau chơn theo một vài thằng con-con.
Tuyết in sắc ngựa cu don, (3
  cỏ pha màu áo nhuốm non da trời. (4)
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
  khách đà xuống ngựa tới nơi tự-tình.
Giai-nhơn (6) lần bước dặm xanh,
  một vùng như thấy cây quỉnh nhành đao. (7)

---

1) — Đường đi
2) — Chỉ người có tình hay
(3) — Con ngựa cu don-don.
(4) — Áo xanh. (Thiên thanh).
(5) Tự tình. — Nói chuyện.
(6) — Người tử-tế.
(7) — Ngó vô đám ấy thấy hai người con gái xinh lắm.

Chàng *Vương* quen mặt ra chào,
hai *Kiều* e mặt nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa,
họ *Kim* tên *Trọng* vốn nhà trâm-anh. (1
Nền phú-hậu, bực tài-danh, (2)
văn-chương nét đất, thông-minh tánh trời.
Thiều-tư tài-mạo tốt vời,
vào trong phong nhã (3) ra ngoài hào hoa.
Đông-quanh (4) vẫn nước đất nhà,
với *Vương-quan* trước vẫn là đồng-thân. *(5)*
Vẫn nghe thơm nực hương-lân,
một nền đồng-tước (6) toả xuân hai kiều. (7
Nước non cách mấy buồng thêu, 8)
những lá trộm nhớ thầm yêu chóc-mòng.
May thay giải-cấu tương phùng ! (9)
gặp tuần đỏ lá (10) thỏa lòng tim hoa.
Bóng hồng liếc thấy nẻo xa,
xuân lan, thu cúc mặn-mà cả hai

---

1) Trâm anh. — Con nhà quan, con nhà tử-tế.
2. — Con nhà giàu đã lâu đời, học hành giỏi.
3) Phong nhã. — phong lưu nhã. Hào hoa. — Lịch sự có thể có thiếp.
4) — Xung-quanh. Chung-quanh
(5) — Quen lớn lại là bạn học.
6) Đồng tước. — Đài đồng tước, đời hậu Hán, *Tào-mạnh-đức* làm ra để lấy cho được Đông-ngô bất nhị kiều mà đem về đó.
(7) Toả xuân. — Khoá phòng xuân
8) Buồng thêu. — Tú phòng. — Buồng con gái.
9) Gặp-gỡ nhau.
(10) Tuần đỏ lá — là mùa đông lá rụng; Mai khi rụng lá hết đi rồi, thì mới trổ bông.

ıt trâm sầu giết mái đầu, vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần
ì càng mê-mẩn tâm thần, lại càng đứng sững Đào-ngâu chẳng ra?

(Coi trương 2

Người quốc sắc, kẻ thiên tài (1)
  tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Rập rình cơn tỉnh cơn mê,
  rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chẳng khôn.
Gió chiều như giục cơn buồn,
  khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
Nhịp cầu dải nước trong veo,
  bên cầu tơ liễu bóng chiều tha-la. (2)

Tùy-Kiều về những thương Đạm-Tiên, nhớ Kim-Trọng.

Kiều từ trở gót trường hoa,
  mặt-trời lặn núi, chiêng đà thu không.
Gương nga (3) vạnh-vạnh (4) dãy song,
  vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân. (5)
Hải-đường (6) rã ngọn đông lân,
  giọt sương gieo nặng, nhành xuân lả đà.
Đâm-đâm lặng ngắm bóng nga (7)
  đon (8) đường gần với nẻo xa bời-bời.
Người mà đến thế thì thôi,
  dời phiền-hoa (9) cũng là dời bỏ đi.
Người đâu gặp-gỡ làm chi?
  trăm năm biết có duyên gì hay không?

---

(1) Người quốc sắc — Là *Tùy-Kiều*. — Kẻ thiên tài, là chỉ về *Kim-trọng*.
(2) Tha-la. — Rã ra, phất-phơ
(3) — Mặt trăng. —
(4) — Tròn tròn
(5) — Mặt trời đã lặn đi rồi, đêm thâm trăng mọc đà gieo bóng ra trước sân.
(6) — Tên cây hải đường nở rã ngọn qua nhà gần đó mà ở phía đông.
(7) Đâm-đâm ngồi nhắm bóng trăng.
(8) Đon-đen. — Hỏi trong mình, nghĩ
(9) Phiền hoa. — Lịch sự, xinh tốt

Ngổn-ngang trăm mối bên lòng
nên cân tuyệt-diệu ngụ trong tánh-tình.

Đạm-Tiên hiện chim-bao cho Tuy-Kiều biết Túy-kiều cũng phải mắc số đoạn trường.

Chênh chênh bóng nguyệt xế mành, 1)
dựa loan bên triện một mình thiu-thiu.
Thoát đâu thấy một tiểu kiều,
có chiu phong-vận, 2) có chiu thanh-tân. 3)
Sương in mặt tuyết pha thân,
trên vàng 4) lững-đững như gần như xa.
Chào mừng dou-hỏi dò-la,
nguồn đào lạc lối, đâu mà đến đây ?
Thưa rằng : thinh khí (5) xưa nay,
mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên ?
Hàn gia (6 ở mái tây thiên,
dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ cố (7) đến nhau,
mấy lời hạ tứ (8 nêm châu gieo vàng,
Vâng trình hội chủ (9) xem tường.
mà xem trong sổ đoạn-trường (10) có tên.

---

1 — Khuya rồi.
2) Phong-vận. Xinh-tốt.
(3) Thanh-tân. Sạch-sẽ.
(4) Trên cân lơn vàng. Còn như đọc : *sen vàng*... thì chu là Đạm-tiên đi tới mà bước trên lá sen vàng *Vua-Trụ* mê lắm cho con *Đát-Kỉ* đi vậy
5) Thinh khí. Đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu.
6) Hàn-gia.— Nhà nghèo. (Mà con Đạm-tiên
(7) Hạ cố. Ngó xuống. — Lạy, cúng, quải
(8) Hạ tứ. Cho xuống. (Lấm thơ cho hay như nêm châu gieo vàng)
(9) Hội chủ. Mụ trùm. Coi lấy bọn đĩ-điếm
(10) Đoạn-trường. Sổ quán đi điếm.

Âu dành quả kiếp nhơn-duyên,
  cũng người một hội một thuyền dâu xa.
Nầy mười bài mới, mới ra,
  cẩn thân lại mượn bút hoa
Kiều vâng lãnh ý đề bài,
  tay tiên một vẽ, dủ mười khúc ngâm.
Xem thơ thắc thỏm khen thầm,
  giá đành tú khẩu cẩm tâm (1) khác thường.
Vì đem vào tập đoạn-trường,
  thì treo dải nhứt, chì nhường cho ai
Thiếm hoa khách đã trở hài,
  nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu trịch bức mành-mành,
  tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
  hương thừa dưởng hãy ra vào đâu đây ?
Một mình lưỡng-lự canh chầy,
  dưởng xa nghĩ nỗi sau nầy mà kinh.
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
  biết duyên mình, biết phận mình thế thôi.
Nỗi riêng dập-dập sóng dồi,
  nghĩ đôi cơn lại sụt-sùi đôi cơn.

Bà mẹ nghe Túy-Kiều than thở thì la mà nói chiêm-bao là điều mộng-mị mà giải.

Giọng *Kiều* rền-rỉ trường loan,
  nhà huyên (2) chợt tỉnh hỏi can-cớ gì ?
Cớ sao trằn-trọc canh khuya ?
  máu hoa lé hãy dầm-dề giọt mưa.

---

(1) — Miệng thêu lòng gấm. — Khoa ngôn-ngữ.
(2) — Huyên đường. — Mẹ.

Chàng *Vương* quen một ra chào, hai *Kiều* e mặt nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa, họ *Kim* tên *Trọng* vốn nhà trâm-anh.
(*Coi trương 26*).

Thưa rằng chút phận ngây thơ,
  dưỡng sanh đôi nợ (1) tóc tơ (2) chưa đền.
Buổi ngày chơi mả *Đạm-tiên*,
  nhắp đi phút thấy ứng liền chiêm-bao.
Đoạn-trường là số thế nào,
  bài ra thế ấy vịnh vào thế kia ?
Cứ trong mộng-triệu mà suy,
  phận con biết có ra gì mai sau ?
Dạy rằng mộng huyền cứ dâu,
  hồng không mua não, chác sầu nghĩ nao ?
Vưng lời khuyến giải thấp cao,
  chưa xong điều nghĩ, lại dào mạch tương. (3)
Ngoài song thỏ thẻ anh vàng, (4)
  cuối tường bóng liễu bay ngang trước mành.
Hiên tà gác bóng chênh chênh, (5)
  nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình.

Kim-Trọng về Liêu-Dương cứ khoăn-khoái nhớ Túy-Kiều hoài.

Cho hay là thói hữu tình,
  dễ ai dứt mối tơ mành (6) cho xong ?
Chàng *Kim* tự lại thơ song,
  nỗi nàng cảnh-cảnh bên lòng biếng khuây.

---

(1) Đôi nợ. — Công cha ngãi mẹ.
(2) Tóc-tơ. — Mây-mún, mỏng-mảnh. Dầu một chút cũng chưa đền được.)
(3) — Nước-mắt. (Mạch Tương — Mạch sông Tương.) Chỉ bà *Ngao-hoàng*, *Nữ-anh* khóc chồng.....)
(4) — Chim vàng anh. (— Oanh)
(5) — Xế chiều.
(6) — Mối tơ hồng.
(7) — Ngây-ngây.

Sầu đong càng khắc càng đầy, (1)
  ba thu dồn lại một ngày dài ghê. (2)
Mây Tần tỏa kín song the, (3)
  bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm-bao. (4)
Tuần trăng khuyết, dĩa dầu hao, (5)
  mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng,
  trước (6) se ngòn thổ, tơ (7) dùn phiếm loan.
Mành Tương (8) phất-phất gió đàn,
  hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Vì chăng duyên nợ ba sanh, (9)
  làm chi đem thói khuynh-thành trêu ngươi ?

Kim-Trọng trở về kỷ-ngộ mà kiếm Túy-Kiều.

Bàng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,
  nhớ nơi kỷ-ngộ vội dời chơn đi.
Một dàng cỏ mọc xanh-rì,
  nước ngâm trong-vắt thấy gì nữa đâu.
Gió chiều như khãy cơn sầu,
  vi lau (10) hiu hắt như màu khảy trên.

---

(1) — Sự buồn rầu càng nghĩ thêm hoài.
(2) — Nhứt nhựt tam thu. (Một ngày bằng ba năm).
(3) — Mây mịt như trên *Tần-lãnh*.
(4) — Lúc gặp tại bụi hồng thế nào, thì lẻo-đẻo chiêm bao thấy hoài.
(5) — Trong tháng cuối muộn đi rồi, tìm lụn dầu hao, đêm nào, đêm nấy, nghĩ nhớ Túy-kiều hoài.
(6) — Quyển sáo.
(7) — Đờn.
(8) — Sáo tre. (Cũng vì tích nước-mắt *Ngao-hoàng, Nữ-anh*, tại sông *Tương*).
(9) — Phụ sanh chi, sư giáo chi, quân tự chi. — Nhân sanh ư tam, sự chi như nhứt.
(10) — Ngọn đế lau gió thổi hiu-hắt phất-phơ như giục cơn sầu.

Nghĩ riêng nhớ ít tưởng nhiều,
  xăm-xăm đi nẻo *Lâm-kiều* lần sang.
Thâm nghiêm, kín cổng, cao tường,
  cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.
Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
  con anh (oanh) học nói trên nhành mỉa-mai.
Mấy lần cửa đóng then gài,
  dẫy thềm hoa rụng, biết người ở đâu ?
Chần-ngần đứng trót giờ lâu,
  dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.
Lá nhà *Ngô-việt* thương-gia,
  phòng không để đó người xa chưa về.
Lấy điều du học hồi thuê
  túi đơn cặp sách đề-huề dọn sang.
Có cây có đá sẵn-sàng, (1)
  có hiên *Lâm-tùy* (2) nét vàng chưa phai.
Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
  ba sinh âu hẳn duyên trời chỉ dây.
Song hồ (3) nửa khép cành mây,
  tường đông ghé mắt ngày-ngày hằng trông,
Tấc gang động toả nguyên-phong, (4)
  tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra.

Kim-Trọng gặp Túy-Kiều tỏ thiệt tình mình ra, xin Tuy-Kiều có đành không thì cho biết rồi trâm quạt đưa cho nhau làm của tin.

Những từ quán-các lân-la,
  tuần trăng thấm-thoát nay đã thêm hai.

---

(1) Có kiểng vật non bộ sẵn-sàng.
(2) Hiệu đề : *Lâm-tùy-hiên* thếp vàng.
(3) Cửa sổ phất giấy....
(4) — Tuy gần một bên mà cửa đóng nguyên phong không thấy *Túy-kiều* ra.

Thoát đâu thấy một tiểu kiều, có chín phong-vận, có chín thanh tân. Sương in một tuyết pha thân, trên vàng lừng đừng như gần như xa.

(*Coi trương 29*).

Cách tường phải buổi im trời,
  dưới đào dường thấy bóng người thít-tha.
Buông kim xóc áo vội ra,
  hương còn thơm-nực, người đà vắng-tanh
Lần theo tường gấm (1) dạo quanh,
  trên nhành liếc thấy một nhành kim-xoa. (2)
Ưa tay với lấy về nhà,
  nấy trong quê-các đâu mà đến đây?
Gẫm âu người ấy bâu nấy,
  chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm.
Liền tay nhắm-nhía biếng nằm,
  hãy-còn thoảng-thoảng hương trầm chưa phai.
Tan sương (3) đã thấy bóng người,
  quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngơ.
Sanh đà có ý đợi-chờ,
  cách tường lên tiếng xa đưa tớm lòng.
Xoa đâu bắt được hư-không,
  biết đâu Hiệp-phố (4) mà mong cháu về?
Tiếng *Kiều* nghe lọt bên kia,
  ơn lòng quân-tử sá gì của rơi.
Chiếc xoa là của mấy mươi?
  mà lòng trọng ngãi khinh tài xiết bao.

---

(1) Tường gấm. — Vách tường dưới chơn có trồng bông hoa.

(2) Kim xoa. — Trâm vàng, trâm cúc.

(3) Tan sương. — Sáng ra.

(4) — Hiệp-phố thuộc về Annam thuở trước, là quận Hiệp-phố dưới bãi biển có châu nhiều mà sau quan Tàu qua trị dân, xâu-bơi nặng, đó-khổ dân trốn đi quận khác, thì châu nó cũng đi mất đi hết; đến sau có quan thanh-liêm tử-tế tới chiêu qui, dân về thì chỗ ấy có châu lại như trước; nên rằng: Châu về Hiệp-phố.

Sanh rằng lân-lý ra vào,
gần đây nào phải người nào xa-xôi.
Được rày nhờ chút thơm rơi,
kể đà thiếu-nảo lòng người bấy nay.
Mấy lâu mới được một ngày,
dừng chơn gạn chút niềm tây (1) gọi là.
Vội vào thêm lấy của nhà,
xuyến vàng đôi chiếc, khăn là (2) một vuông. (3)
Vén mây nhón bước ngọn tường,
phải người hôm nọ rõ-ràng chăng nhe? (4)
Sượng sùng dở ý rụt-rè, (5)
kẻ nhìn tạn mặt, người e cúi đầu.
Rằng từ ngẫu-nhĩ (5) gặp nhau,
thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã dồn.
Xương mai tính đã xỏ mòn,
lần-lừa ai biết hãy-còn hôm nay.
Tháng tròn như gởi cung mây,
chẳng-chẳng một phận ấp cây đã liều. (7)
Tạn đây xin một hai điều,
đài gương soi đến dấu bèo cho chăng? (8)

---

(1) Niềm tây. — Chuyện riêng, tình riêng.
(2) Là — Lụa-là, là-lượt.
(3) Một vuông. — Một cái khăn, như nói vuông, hay-là chuông nhiều...
(4) Chăng nhe. — Phải không hé?
(5) Rụt-rè. — Thậm-thòi thậm-thụt.
(6) Ngẫu nhĩ. — Tình-cờ.
(7) — Cả tháng tròn những ấp cây chờ thỏ.
(8) — Bực đài gương cao trọng làm-vậy mà có đoái đến phận hèn như bèo nầy chăng.

Ngần-ngừ nàng mới thưa rằng:
  thói nhà băng tuyết (1) chất hàng phỉ phong. (2)
Dầu khi lá thắm chỉ hồng. (3)
  nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lòng xót liễu vì hoa,
  trẻ thơ đã biết dàu mà dám thưa.
Sanh rằng rày gió mai mưa,
  ngày xuân đã dễ tình-cờ mấy khi.
Dầu chăng xét tấm tình si, (4)
  thiệt đày mà có ích gì đến ai?
Chút chi gắn-vó một-hai,
  cho đành rồi sẽ liệu bài mối-manh.
Khuôn-linh (5) dầu phụ tấc thành, (6)
  cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân dầu quyết hẹp-hòi,
  công đeo-đẳn (7) chẳng thiệt-thòi lắm ru?
Lặng nghe lời nói như dầu, (8)
  chìu xuân dễ khiến nết thu ngại-ngùng.
Rằng trong buổi mới lạ-lùng,
  nỡ lòng có lẽ cầm lòng cho đang.

---

(1) — Giá tuyết. — Trong sạch tử-tế như giá như tuyết.
(2) — Phỉ phong. — Kính đáo. — Gái còn trinh tiết.
(3) Lá thắm. — (Ngư câu hồng diệp), tích bà *Hàn-phu-nhơn* viết trong lá thả theo nước, ông *Vu-hựu* được, hoà thơ lại.....Đến sau phòng cung nữ ra, thì *Vũ-hựu* chuộc về làm vợ. — Sau nói chuyện với nhau mới biết thiên duyên tại Hồng-diệp — Chỉ-hồng.— Xích thằng hệ túc. — Nhơn-duyên.
(4) Si. — Ngày dại.
(5) — Linh cơ. — Tạo hoá lò. — Trời.
(6) Tấc thành. — Phương thốn. — Lòng thành.
(7) — Đeo đuổi.
(8) Như dầu. — Trơn lu.

iều rền-rỉ trướng loan, nhà huyện chợt tỉnh hồi can cớ gì ?
trằn-trọc canh khuya, mùu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa ?

(Coi trương 30).

Đã lòng quân-tử đa mang,
  một lời vưng tạc dả vàng thủy chung.
Được lời như cởi tấm lòng,
  dở kim huờn (1) vời khăn hồng trao tay.
Rằng trăm năm (2) cũng từ đây,
  của tin gọi một chút nầy làm ghi.
Sẵn tay bả (3) quạt hoa qui,
  với nhành xoa ấy tức-thì đổi trao.
Một lời vừa gắn tất giao, (4)
  mái sau dường có xôn-xao tiếng người.
Vội-vàng lá rụng hoa rơi,
  chàng về thơ viện, nàng dời lầu trang.
Từ phen đả biết tuổi vàng,
  tình càng thấm-thía dạ càng ngần-ngơ.
Sông Tương một dải nông trờ, (5)
  bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.
Một tường tuyết chở sương che,
  tin xuân dâu dễ đi về cho năng?

Túy-kiều sửa soạn qua nhà Kim-trọng chơi vì cha mẹ đi khỏi.

Lần-lần ngày gió đêm trăng,
  thưa hồng rậm lục (6) đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sanh-nhựt ngoại gia,
  trên hai đường, dưới nữa là hai em.

---

(1) Kim hườn. — Chiếc neo, xuyến.
(2) Trăm năm. — Bá niên giai lão.
(3) Bả. — Cầm.
(4) Tất giao. — Keo sơn.
(5) Nông trờ. — Cạn xợt.
(6) Lá uả rụng, lộc đâm ra: qua xuân.

Tàng-bằng sắm-sửa áo xiêm,
  bén dâng một lễ xa đem tất thành.
Nhà lan thanh-vắng một mình,
  gẫm cơ hội ngộ dã đành hôm-nay.
Thi trân (1) thức-thức sẵn bày,
  gót sen thoát-thoát dạo ngay mái tường.
Cách hoa sẽ dằng tiếng vàng,
  dưới hoa dã thấy có chàng dứng trông.
Trách lòng hơ-hửng bấy lòng!
  lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu.
Những là dắp nhớ đổi sầu,
  tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm.
Nàng rằng gió bắt mưa cầm,
  dã cam tệ với tri-âm bấy chầy.
Vắng nhà được buổi hôm-nay,
  lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng.
Lần theo núi giả (2) di vòng,
  cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
Sẵn tay mở cửa động đào, (3)
  rẽ mây trông rõ lối vào thiên-thai. (4)
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi,
  bên lời vạn phước (5) bên lời hàn huyên. (6)
Sánh vai về chốn thơ hiên,
  ngâm lời phong nguyệt, (7) nặng nguyền non sông (8).

---

(1) Thi trân. — Đồ ngon theo mùa.
(2) — Non bộ đất.
(3) Động đào. — Đào nguyên động (Động-tiên).
(4) Thiên-thai. — Núi Tiên ở, *Lưu-thần, Nguyễn triệu* đi hái thuốc mà gặp Tiên.
(5) Lời vạn phước. — Lời con gái chào chúc.
(6) Hàn huyên. — Ấm lạnh.
(7) Phong nguyệt. — Gió trăng. — Hoa tình.
(8) — Thề nguyền, chỉ núi sông mà thề.

Trên an bút giả thơ dồng,
  dạm thanh một bức tranh tòng treo trên.
Phong sương được vẻ thiên nhiên, (1)
  mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Sanh rằng phác họa (2) vừa rồi,
  phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Một khi gió lập mưa sa,
  khoảng trên dừng bút Phảo và bồn cầu.
Khen tài nhả ngọc phun châu, (3)
  nàng Ban Ả Tạ cũng đâu thế nầy (4)
Kiếp tu xưa vì chưa dày,
  bực nào dồi được giả nầy cho ngang.
Nàng rằng trộm liếc dong quang, (5)
  chẳng sản ngọc bội cũng phường kim môn. (6)
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
  khuôn xanh (7) biết có vuông tròn mà hay?
Nhờ từ năm bảy thơ-ngây,
  có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
  ngàn thu bạc mạng một đời tài hoa.
Trông người lại nhẫm đến ta,
  một dày một mỏng biết là có nên.

---

(1) — Tự nhiên.
(2) Phác họa. — Vẽ vụng.
(3) — Thổ ngọc phún châu. — Lời nói hay, thơ làm hay.
(4) Nàng Ban. — Là *Ban-cơ* làm Hán sử thế cho *Ban-cố* chết đi. — Tạ. — *Tạ-đạo-huẩn*, ngâm thơ giỏi.
(5) — Mặt mũi, hình dáng.
(6) Ngọc bội. Đeo ngọc. Kim môn. — Hàn lâm viện kim mã môn.
(7) Khuôn xanh. Trời xanh

Sanh rằng lân-lý ra vào, gần đây nào phải người nào xa-xôi?
Được rày nhờ chút thơm rơi, kẻ đi thiếu-não lòng người bấy nay.

(Coi trương 37).

Sanh rằng giải cấu (1) là duyên,
  xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
Dẫn dều giải kiết (2) đến đều,
  thì đem vàng-đá mà liền với thân.
Đủ đều trung khúc (3) ân-cần,
  lòng xuân phới-phới chén xuân tàng-tàng. (4)
Ngày vui vắn chẳng đầy gang,
  trông ra ác đã ngậm gương non đoài. (5)
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
  gĩa chàng nàng mới kịp dời song-sa.
Đến nhà vừa thấy tin nhà,
  hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội xủ rèm the,
  xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhặt thưa gương gối đầu nhành, (6)
  ngọn đèn trông thấy trường huỉnh hắt-hiu.
Sanh vừa dựa ân thiu-thiu,
  dở chiu như tỉnh dở chiu như mê.
Tiếng lên sẽ động giấc hoè,
  bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.
Bâng-khuâng đảnh Hiệp non Thần, (7)
  còn nghi giấc mộng đêm xuân mơ-màng.
Nàng rằng khoảng vắng đêm tràng.
  vì hoa cho phải đỗ đàng tìm hoa.

---

(1) Giải cấu. — Gặp gỡ.
(2) Giải kiết — Giải hung cầu kiết. — Do tích thầy phù thủy.
(3) Trung khúc. — Việc kín trong lòng.
(4) Tàng tàng. — Xoàng xoàng.
(5) — Mặt trời lặn.
(6) Gương gối đầu nhành. — Mặt trăng gối trên nhành cây.
(7) Đảnh Hiệp. — Núi Hiệp-sơn. — Non thần. —Tam thần sơn — cảnh tiên.

Bây-giờ rỏ mặt đôi ta,
  biết dâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao.
Vội vàng làm lễ rước vào,
  dài sen nối nến, song đào thêm hương.
Tiên (1) thề cùng thảo một chương.
  tóc mây một món dao vàng một đôi.
Vầng-trăng vặc-vặc giữa trời,
  dinh-ninh hai mặt một lời song-song.
Tóc tơ căn-vặn tấc lòng,
  trăm năm tạc một chữ đồng (2) đến xương.
Chén hà (3) sánh giọng quỉnh tương, (4)
  đôi là hương lụn, bình gương bóng lồng. (5)
Sanh rằng gió mát trăng trong,
  bấy lâu nay một chút lòng chửa cam.
Giọt sương chửa nặng cầu lam, (6)
  sợ lần-khân (7) quá ra sàm-sở chăng. (8)
Nàng rằng hồng-diệp xích-thằng,
  một lời cũng dã tiếng rằng tương tri.

---

(1) Tiên. — Tớ.
(2) Chữ đồng — Đồng tịch đồng sàng, đồng sanh, đồng tử.
(3) Chén hà. — (hà bôi) chén ngọc tử hà.
(4) — Tiệc rượu cầm uống chúc thọ.
(5) — Dải lá — đồng tâm kiết. Hương tàn đèn lụn. — Dã khuya lắm.
(6) Cầu lam. — (Lam-kiều); tích Lam điền chưởng ngọc. *Lư-sanh* muốn con gái bà quản mà người ta không gả, biểu có một đấu ngọc đem đến thì mới được. *Lư-sanh* đi tới cầu Lam-kiều, gặp ông già cho ba cục đá dặn đem trồng nơi Lam-điền đủ một trăm ngày thì thành một đấu ngọc, làm thì quả có làm vậy, nên dùng tích ấy.
(7) Lần-khân. — Lây-dây.
(8) Sàm-sở. — Lần-dân, bốc-mạt.

Đứng đều nguyệt nọ hoa kia,
  ngoái ra ai lại tiếc gì với ai.
Rằng nghe nỗi tiếng cầm đài,
  nước-non luống những lòng tai Chung-kỳ. (1)
Thưa rằng tiện kị sả chi ?
  dã lòng dạy đến dạy thì phải vưng.
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
  vội-vàng *Sanh* dã tay ưng ngang mày.
Nàng rằng nghề mọn riêng tây,
  làm chi cho nặng lòng người lắm thân.
Lựa dần dây võ dây văn, (2)
  bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
  nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đâu Tư-mã hoàng cầu, (3)
  nghe ra như oán như sầu phải chăng.
Kê-khang nầy khúc quảng-lăng, (4)
  một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân. (5)
Quá quan nầy khúc Chiêu-quân. (6)
  nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
  đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

---

(1) — *Chung-tử-kỳ* là người lòng tai nghe ông *Bá-nha* đờn.

(2) Dây võ. — Dây dài. Dây văn — Dây tiểu.

(3) — Ông *Tư-mã-tương-như* hay là *Trường-khanh* đờn khúc Phụng-cầu-hoàng; *Trác-văn-quân* nhỏ tuổi góa chồng đêm nghe liền leo vách thành qua; sau lấy nhau nên vợ nên chồng.....

(4) Ông *Kê-khang* đờn bản Quảng-lăng hay lắm....

(5) Hành vân. -- Bản đờn về việc đi dạo chơi.

(6) Bản lúc bà *Chiêu-quân* ra Ngọc-môn-quan than thân mà đi cống hồ.

Sanh vâng phép họa vừa rồi, phấn đề xin một vài lời thơm hoa.
Một khi gió tập mưa sa, khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

(*Coi trương 42.*)

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
  tiếng man dập-dập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
  khiến người ngồi dấy cũng ngơ-ngẩn sầu.
Khi dựa gối khi cúi đầu,
  khi gò chín khúc, (1) khi chau đôi mày. (2)
Rằng hay thì thật là hay,
  nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.
Lựa chi những khúc tiêu tao, (3)
  chột lòng mình cũng nao-nao lòng người.
Rằng quen mất nết đi rồi,
  tẻ (4) vui thôi cũng tánh trời biết sao.
Lời vàng vâng lãnh ý cao,
  hoạ dần-dần bớt chút nào được không.
Hoa hương càng tỏ thức hồng,
  đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình đường đã xiêu-xiêu,
  xem trong âu-yếm, có chiều lả-lơi. (5)
Thưa rằng đứng lấy làm chơi,
  giễ (6) cho thưa hết một lời dã nao.
Vì chi một đào yêu đào, (7)
  vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.
Đã cho vào bực bố kinh, (8)
  đạo tùng phu, lấy chữ trinh làm đầu.

---

(1) — Ruột — (cửu phúc hồi trường).
(2) — Nhăn hai cái mày.
(3) — Ai oán, thảm thiết.
(4) Tẻ. — Buồn.
(5) Lả lơi. — Lả lả.
(6) Giễ. — (Hượm) — Khoan dã, thủng-thẳng.
(7) — Đào chi yêu-yêu. — Yểu-điệu như là đào.
(8) Bố kinh — (Quần bố kinh xoa) — thật đạo vợ chồng.

Ra tuồng trên Bộc trong dâu, 1
  thì con người ấy ai cầu làm chi.
Phải đền ăn xổi ở thì,
  tiết trăm năm nở bỗ đi một ngày.
Gẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
  lứa đôi ai lại đẹp tày Thôi-Trương.
Mây-mưa đánh đổ đá vàng,
  quá chiều nên dã chán chường ên anh.
Trong khi kết cánh trên nhành,
  mà lòng rẽ-rúng 3 dã trình một bên.
Mái tây dề lạnh hương nguyền,
  cho duyên dầm-thấm ra duyên bỉ-bàng. 4)
Gieo thoi 5 trước chẳng giữ-giàng. (6)
  dề sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
Vội chi liễn ép hoa nài,
  còn thân ắt cũng đền bồi có khi.
Thấy lời đoan chánh (7) dề nghe,
  chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tàn (8) vừa lọt vẻ ngàn. (9
  tin dâu dã đến cửa ngăn gọi vào.

---

1) Trên bộc. — Bộc thượng Sông bộc. Trong dâu. — Tang trung (bãi dâu). Dâu dọc giâu.

(2) Thôi. — *Thôi-oanh-oanh* (tên con gái). Trương — *Trương-cung* (tên con trai); hai đứa trai gái với nhau mà sau mẹ không gả, nên lấy nhau không đặng mà bỏ nhau.

(3) Rẽ rúng. — Dề lắm.

(4) Bỉ-bàng. — Hổ-thẹn. xấu hổ.

(5) Giữ giàng. — Giữ gìn.

(6) Gieo thoi. — Tích con gái kia quăng thoi gãy rang cái lão *Tạ-côn* là con trai đến chọc nó.

(7) Đoan chánh. — Ngay thẳng.

(8) Bóng tàn. — Bóng mặt trăng.

(9) Ngàn. — Sông ngân hà.

Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sanh thì rảo bước sân đào vội ra.

Kim-Trọng được tin chú ruột mất, phải về Liêu-Dương mà hộ tang.

Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa,
gia đồng vào gởi thơ nhà mới sang.
Đem tìm thúc phụ tử đường,
bơ-vơ lữ thấn (1) tha hương dễ huề. (2)
Liêu-dương cách trở sơn khê,
xuân đường (3) kịp gọi *Sanh* về hộ tang.
Mắng tin xiết nỗi kinh-hoàng,
băng mình lên trước dài trang tự tình.
Gót dầu (4) mọi nỗi đinh-ninh,
nỗi nhà tang tóc (5) nỗi mình xa-xôi
Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Trăng thề còn đó *sờ sờ*,
dám xa-xuôi (7) mặt mà thừa-thớt lòng.
Ngoài ngàn dặm chốc ba đông. (6)
mối sầu khi gở cho xong còn chầy.
Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
cho đành lòng kẻ chơn mây cuối trời.

---

(1) Lữ thấn. Quán gửa đường, chết dọc đường
(2) Dễ huề. Đem về.
(3) Xuân đường. Thường thường người ta hay nói Thung đường mà thật nó là *Xuân*.) Sơn trung hữu thọ bát thiên niên vi xuân,cổ hiệu phụ viết xuân.Sanh. Học sanh.
(4) Gót đầu. Đầu đuôi, gốc ngọn.
(5) Tang tóc. Để tang, để chế (Có tang thì không nên chải gở lâm tốt lâm tế
(6) Ba đông. Ba năm tam niên tang).
(7) Xa xuôi.

Ấm ngồi vừa ngỏ then hoa, gần-đồng vào gởi thơ nhà mới sang.
Đem tin thúc phụ từ đường, bơ-vơ lữ thần tha hương đã huề.

(Coi trương 50).

Tai nghe ruột rối bời-bời,
  ngẩn-ngừ nàng mới giải (1) lời trước sau
Ông tơ (2) ghét bỏ chi nhau ?
  chưa vui sum-hiệp đã sầu chia-phui ; (3)
Cùng nhau trót đã nặng lời,
  dẫu thay mái tóc, dám dời lòng tơ.
Quản bao tháng đợi năm chờ,
  nghĩ người ăn gió nằm mưa (4) xót thầm.
Dã nguyền đôi chữ đồng tâm,
  trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. (5
Còn non còn nước còn dài,
  còn về còn nhớ đến người hôm nay.
Dùng-dằng chưa nỡ rời tay,
  vầng dông (6 trông dã đứng ngay nóc nhà.

(1) Giải. Bày ra.

(2) Ông tơ. Tích ông tơ bà nguyệt xe dây buộc nhơn duyên người-ta. Tên *Vi-cố* nhơn trời sáng trăng đi chơi trên núi, thấy ông già ngồi xe chỉ điều. Nó mới hỏi ông làm làm chi vậy. Ông tiên rằng: Tao xe nhơn duyên vợ chồng người-ta hết thảy và tao biết trước ai lấy ai, sang hèn, khó giàu gì cũng biết, lại nói liền tri rằng nó sau sẽ lấy vợ là con ăn mày ngoài chợ. *Vi-cố* về gặp con mẹ ăn mày bồng con gái nhỏ, thì muốn giết nó đi, mà nó bồng con chạy khỏi, phóng giáo theo nhắm con nhỏ có vit ra, rồi trốn đi mất. Anh ta học hành giỏi làm quan, sau cưới con quan kia về làm vợ, trông dã khôi số lấy con ăn mày. Ai ngờ sau thấy vợ có vit thì hỏi phăn ra mới biết nó là con an mày, làm con nuôi ông quan gả cho mình, thì mới biết sự nhơn duyên có số liền định.

(3) Chia phui. Chia-chác, phân-rẽ nhau ra.

(4) — Chan phong tức võ. — Dầm sương dãi nắng.

(5) Bão ti bà quá biệt thuyền. Ôm đờn tỉ bà mà qua ghe khác.

(6) Vầng dông. Mặt trời.

Ngại-ngùng một bước một xa,
một lời tràn trọng, chàn sa mấy hàng.
Buộc yên quẩy gánh vội-vàng,
mối sầu sẽ (1 nữa, bước dàng chia hai.
Buồn muôn phong cảnh quê người,
dầu nhánh quyên nhặt, cuối trời nhạn thưa.
Não người chải giò dầm mưa,
một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
Nàng thì đứng rũ hiên tây,
chín chiu vấn-vít như vầy mối tơ.

Nhà bị hoạn nạn, Túy-Kiều lo bán mình chuộc cha.

Trông chừng khói ngỏt song thưa,
hoa trôi chác thắm, liễu xơ-xác vàng. (2)
Chẩn-ngẩn rảo gót lầu trang, (3)
một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.
Hàn huyên (4 chưa kịp tả dề. 5)
sai nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao.
Người nách thước, kẻ tay dao,
dầu trâu mặt ngựa ào-ào như sói.
Vơ quàng một lão một trai, (6
một dây vô lại (7) buộc hai thám tình.
Dầy nhà vang tiếng ruồi xanh. 8
rụng rời khóng dệt, tan tành quả may. (9)

---

(1) Sẽ. — Xẽ, sớt.
(2) — Qua thu.
(3) Lầu trang. Chỗ con gái ở ; phòng con gái ở.
(4) Hàn huyên. — Lạnh ấm. — Hỏi thăm.
(5) Tả dề. Hỏi han.
(6) — Bắt ngang một ông già, một người trai.
(7) Vô lại. — Không nhờ. - Oan.
(8) Ruồi xanh.— (Thương nhăng). Nha lại, lệ dịch.
(9) Phá, soát, lục cả nhà cho đến không cỉri, rồ may.

Đồ tế nhuyễn, (1) của riêng tây,
  sạch-sành-sanh (2) quét cho đầy túi tham.
Đều đâu bay-bốc (3) ai làm,
  nầy ai dơn huyền, trặt hàm bổng nhưng.
Hỏi ra sau mới biết rằng:
  phải tên xưng xuất tại thằng bán tơ.
Một nhà hoảng-hốt ngần-ngơ,
  tiếng oan dẫy dất, án ngờ đầy mây.
Hạ tứ (4) van-vái trót ngày,
  diết tai lán truất, phụ tay tồi-tán. (5
Rướng cao rút ngược dây oan,
  dẫu vàng đá cũng nát gan lựa người.
Mặt trông dau-đớn rụng rời,
  oan nầy còn một kêu trời những xa.
Một ngày lạ thói sai nha, (6
  làm cho khốc hại (7) chẳng qua vì tiền.
Sao cho cốt-nhục vẹn-tuyền,
  trong khi ngộ biến tùng quyền (8) biết sao
Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
  chữ tình chữ hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn. (9)
  làm con trước phải đền ơn sanh thành.

---

(1) Đồ tế nhuyễn. — Đồ kín, đồ nhỏ, đồ nữ trang.
(2) Sạch sành-sanh. — Sạch bách, ráo nạy.
(3) Bay-bốc. — Tai bay vạ gởi.
(4) Hạ tứ — Bỏ nhỏ, hạ mình xuống mà xin.. ....
(5) — Nó không nghe, không vì, cứ phép khảo kẹp
(6) Sai nha. — Nhà tơ (Kẻ quan sai).
(7) Khốc hại. — Độc dữ.
(8) Quyền. — Dỡ.
(9) — Chỉ non chỉ nước mà thề. Lời thề.

Người mách thước, kẻ tay dao, đầu trâu, mặt ngựa ào-ào như sói.
Vơ quáng một lão một trai, một dây vô lại buộc hai thâm tình.

(*Coi trương 53*).

Quyết tình nàng mới hạ tình. (1)
giẽ cho dề thiếp bán mình chuộc cha
Họ *Chung* có kẻ lại già,
cũng trong nha dịch lại là tứ tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
vì nàng nghĩ cũng thương thầm xót vay
Tính bài lót dó trọn dây,
có ba trăm lượng việc nầy mới xuôi.
Đem về tạm phú giam ngoài,
nhủ rằng qui liệu (2) trong dôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ ngây,
gặp cơn họa gió tai bay bất kỳ
Đau lòng tử biệt sinh ly,
thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên.
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân. (3)

Mã-giám-Sanh tới coi Túy-Kiều, nói dối mua về làm vợ bé.

Sự lòng ngỏ với băng nhân, (4)
tin sương dồn-dãi xa gần xôn-xao.
Gần miền có một mụ nào,
dưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
Hỏi tên rằng *Mã-giám-sanh*,
hỏi quê rằng huyện *Lâm-thanh* cũng gần.

---

(1) Hạ tình. — Để dẹp tình lại, mà lo hiếu.
(2) Qui liệu. Tính toán.
(3) Ba xuân. (tam sanh).
(4) Băng nhơn. — Kẻ làm mai, kẻ đem mối.

—

Quả niên giạc ngoại bốn tuần,
  râu mày nhãn-nhụi (1) áo quần bảnh-bao. (2)
Trước thầy sau tớ xôn-xao,
  nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghé lên ngồi tốt sẵn-sàng,
  phòng trong mối đã giục nàng kịp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
  thềm hoa một bước, giọt hoa mấy hàng.
Ngại-ngùng thẹn gió e sương,
  xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối còn vén tóc bắt tay,
  nết buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn-đo (3) cầu sắc cầu tài,
  ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn-nồng một vẻ một ưa,
  bằng lòng khách mới tùy cơ đặt-điều. (4)
Rằng mua ngọc đến *Lam-kiều*,
  sính nghi xin dạy bao nhiêu dấy chường.
Mối rằng đáng giá ngàn vàng,
  rấp nhà nhờ lượng người thương dám nài.
Cò-kè bớt một thêm hai,
  giờ lâu ngã giá vưng ngoài bốn trăm.
Một lời thuyền đã êm đềm,
  hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi.
Định kỳ nạp thể vu qui, (5)
  tiền lưng đã có việc gì chẳng xong?

---

(1) Nhãn-nhụi. — Trơn-tru, trơn-lu.
(2) Bảnh-bao. — Tươi-tỉnh, tử-tế.
(3) Đắn đo. — Đon ren, so đo.
(4) Đặt-điều. — Nói phải chẳng.
(5) Nạp thể vu qui. — Cưới rồi đưa dâu.

Lo hạc vàng lãnh Vương-ông ra rồi. Vương-ông hay Túy-Kiều bán mình lấy tiền chuộc tội cho mình, thì than khóc vật đầu vào tường. Túy-Kiều khuyên giải hết lời cùng dặn cha mẹ cho em là Túy-Vân thế cho mình, vì đã có thề nguyền với Kim-Trọng.

Một lời cậy với *Chung-công*,
khất tờ tạm lãnh *Vương ông* về nhà.
Thương tình con trẻ cha già,
nhìn nàng, ông đã máu sa ruột xầu:
Nuôi con những ước về sau,
trao tơ (1 phải lứa, gieo cầu đáng nơi. (2
Trời làm chi cực bấy trời!
nầy ai vu thác cho người hiệp tan?
Búa dao bao quản thân tàn,
nỡ đày-đọa trẻ, càng oan khốc già.
Một lời sau trước cũng ra,
thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau.
Nhiều lời như chả dòng châu,
liều mình ông đã gieo dầu tường vôi.
Vội-vàng kẻ giữ người coi,
nhỏ lo nàng lại tìm lời khuyên can.

---

(1) Trao tơ — Tích con gái *Lý-lâu-phủ* quan tể trướng đời nhà *Đường*, có nhiều con gái, mới các quan viên nhỏ trai tới rồi trong lầu có chỉ tơ đỏ thả ra từ mỗi ra cửa sổ, ông nào nắm nhằm chỉ đứa nào, lấy đứa nấy làm vợ.

(2) Gieo cầu. — (Tú cầu); tích con ông *Lư-lâu-vương* là con gái tên *Cẩm-bình-công-chúa* kén chồng, may trái cầu thêu, ngồi trên lầu quăng xuống, ai bắt được thì là chồng. Khi ấy có hai anh em con chú con bác, là *Tiết-giao*, bắt được, *Tiết-qui*, lại giành số cái bao gấm bứt hai ra; nên *Lư-lâng-vương* gả con chị cho *Tiết-giao*, còn con em đưa cho *Tiết-qui*. Rể xứng, rể kén được.

in-nồng một vẻ một ưa, bằng lòng khách mới tùy cơ đặt-điều.
ng mua ngọc đến *Lam-kiều*, sinh nghĩ xin dạy bao nhiêu đấy chường.

(Coi *trương* 57).

Vì chi một mảnh hồng nhan. (1
  tóc tơ gọi chút đền ơn sanh thành.
Dâng thơ dã thẹn Nàng-Oanh. (2)
  lại thua Ả-lý bán mình hay sao? (3)
Xuân huyên (4) tuổi hạc càng cao,
  Một cây gánh vác biết bao nhiêu nhành?
Lòng thơ dầu chẳng dứt tình,
  gió mây âu hẳn tan-tành nước non.
Thà rằng liều một thân con.
  hoa dầu rã cánh, lá còn xanh cây.
Phận sao dành vậy cũng vậy,
  cầm như chẳng dậm những ngày còn xanh.
Cũng dừng tính quất lo quanh,
  tan nhà là một, thiệt mình là hai.
Phải lời ông cũng êm tai,
  nhìn nhau giọt vắn giọt dài ngổn ngang.
Mái ngoài họ *Mã* vừa sang,
  tờ hoa dã kỳ cân vàng mới trao.
Trăng-già (6) độc-địa làm sao;
  cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự-nhiên.

---

(1) Mảnh hồng nhan — Thân phận con gái.

(2) Nàng Oanh. — Tích đời nhà Hán Văn-đế, nàng *Đề-oanh* là con *Thuận-ưu-khôn*. Cha bị tội đáng phải hình, thì nàng *Đề-oanh* tới ngọ môn xin bán mình vào cung làm mọi mà chuộc cha cho khỏi hình. Vua cảm lời *Đề-oanh* xuống chiếu bỏ nhục hình dời Tấn đi mà tha tội cho *Vu-khôn*.

(3) — Nàng *Lý-cố-trinh-nương* cha mắc tội oan, bán mình mà chuộc tội cha.

(4) Huyên thảo vong ưu, cố dĩ huyên hô mẫu vi huyên đường — Hễ giắt cỏ huyên lên đầu thì quên hết lo, cho nên lấy đó mà chỉ là mẹ.

(5) Ngổn-ngang. — Dọc ngang.

(6) Trăng-già. — Nguyệt-lão, bà Nguyệt-lão

Trong tay đã sẵn đồng tiền,
  dầu lông đổi trắng thay đen khó gì?
Họ *Chung* ra sức giúp vì,
  lễ tàm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.
Một nhà đã tiện thong dong,
  tình kỳ (1 giục giả đã mong độ về.
Một mình nương ngọn đèn khuya,
  áo dầm giọt lụy, tóc xe mối sầu.
Phận dầu dầu vậy cũng dầu,
  xót lòng đeo-đẳng hẩy lâu một lời.
Công-trình kể biết mấy mươi?
  vì ta khăng-khít (2) cho người dỡ dang.
Thề lòng chưa rảo chén vàng
  lỗi thề thôi đã phụ-phàng với hoa.
Trời *Liêu* (3) non nước bao xa,
  nghĩ đàn rẽ cửa, phân nhà từ tôi.
Biết bao duyên nợ thề bồi,
  kiếp nầy thôi thế thì thôi còn gì?
Tái sanh chưa dứt nhang thề,
  làm thân trâu ngựa, đền nghì trước-mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
  khối-tình (4) mang xuống tuyền đài (5 chưa tan.

---

(1) Tình kỳ. — Kỳ hẹn đưa dâu.
(2) Khăn-khít — Chặt-chịa.
(3) Trời Liêu. — Đất *Liêu-dương*.
(4) Khối-tình. — Nguyên tích thuở xưa có người con gái có tình tri giao với người học trò, bị đứa côn quan giết chết đi; tình nó chưa thỏa nên hóa ra người ta nhỏ nằm dưới lưng, đến khi quan lấy luật nghiệm, người, tình nhơn tới ngó thấy mặt khóc lên một tiếng, khi ấy khối-tình mới tan đi.
(5) Tuyền đài. — Cửu tuyền. — Chín suối.

Nỗi riêng riêng những bàng-hoàng,
  dầu chong trằng dĩa, lụy tràn thấm khăn.
Túy-vân chợt tỉnh giấc xuân,
  dưới đèn ghé đến, ân-cần hỏi-han
Cơ trời dâu bể da đoan,
  một nhà để chị riêng oan một mình.
Cớ chi ngồi những tàn canh,
  nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?
Rằng: lòng đương thổn-thức đây,
  tơ duyên còn vướng mối nầy chưa xong.
Hở môi ra cũng thẹn-thùng,
  để lòng, thì phụ tấm lòng với
Cậy em, em có chịu lời,
  ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đàng dứt gánh tương tư. (1)
  keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng *Kim*,
  khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề:
Sự đâu sóng gió bất kỳ,
  hiếu tình có nhẽ (2) hai bề vẹn hai?
Ngày xuân em hãy còn dài,
  xót tình máu-mủ, thay lời nước non.
Chị dầu thịt nát xương mòn,
  ngậm cười chín suối (3) hãy còn thơm lây.
Chiếc vành với bức tờ mây,
  duyên nầy thì giữ, vật nầy của chung.
Dầu em nên vợ nên chồng,
  xót người mạng bạc, ắt lòng chớ quên.

---

(1) Tương tư. Nhớ nhau.
(2) Nhẽ. Lẽ.
(3) Chín suối. Cửu tuyền.

ấy em, em có chịu lời, ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
iữa đăng dứt gánh tương tư, keo loan chắp mối tơ thừa mặc

(Coi trương 62)

Mất người còn chút của tin,
  phím đờn với mảnh hương nguyền ngày
Mai sau dầu đến bao giờ,
  đốt lò hương ấy, dỡ tơ phím nầy.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
  thấy hiu hắt gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
  nát thân bồ liễu đền nghì trước mai. (1)
Dạ dài cách mặt khuất lời,
  chứa-chan giọt lụy cho người thác oan;
Bây-giờ trâm gãy bình tan,
  kể làm sao xiết muôn vàn ái ân?
Trăm ngàn gởi lạy tình quân,
  tóc tơ vắn vỏi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi, (2)
  đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng.
Ôi Kim-lang, hỡi Kim-lang,
  thôi-thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!
Cạn lời hồn ngất mâu say,
  một hơi lặng ngắt, đôi tay lạnh đồng.
Xuân-huyên chợt tỉnh giấc nồng,
  một nhà chật ních kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời-bời,
  mới dầu cơn vậng chữa phai giọt hồng.
Hỏi sao ra sự lạ-lùng,
  Kiều càng nức-nở (3) mở không ra lời.
Nỗi nàng *Vân* mới dĩ tai,
  chiếc vành đây với tơ-bồi ở đây

---

(1) Bồ liễu. Phận con gái. Trước mai. vợ chồng.
(2) Bạc như vôi. Trắng như vôi. Bạc quá.
(3) Nức-nở. Tức-tối.

Nầy cha làm lỗi duyên mầy,
thôi thì nỗi ấy sau nầy dã em.
Vì ai rụng cải rơi kim, (1)
để con bẻo nỗi mây chim vì
Lới con nhũ lại một hai,
dầu mòn bia đá, dám sai tấc vàng.
Lạy rồi nàng lại thưa chường,
nhờ cha giả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi,
dầu rằng xương trắng quê người quản đâu. 2)

Mã-giám-Sanh rước Tùy-Kiều về nhà trọ. — Tùy-Kiều buồn chi, cầm dao muốn đâm họng mà chết đi cho rồi; rồi nghĩ lại, lại thôi đi.

Xiết bao kể nỗi thảm-sầu,
khắc canh dã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa dâu đã đến ngoài,
quản huyền (3) đâu lại giục người sinh ly.
Dau lòng kẻ ở người đi,
lụy rơi thấm đá, tơ chia rã tằm.
Trời hôm mây kéo tối dầm,
dầu dầu ngọn cỏ đầm-đầm nhành sương.
Rước nàng về đến trú phường, (4)
bốn bề xuân toả một nàng ở trong.
Ngập-ngừng thẹn lộc e hồng,
nghĩ lòng lại xót-xa lòng đôi phen.

---

(1) Kim cải. — Kim rơi cải rụng. — Vợ chồng phân rẽ.
(2) Xương trắng (Bạch cốt phào khí tha hương) : chết bỏ xương đất người.
(3) Quản huyền. Đờn địch, nhạc lời rước dâu.
(4) Trú phường. — Chỗ ở tạm.

Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
  hoài công (1) nắng giữ mưa gìn với ai.
Biết thân đến bước lạc-lài,
  nhụy đào đã bẻ cho người tình chung. 2
Vì ai ngăn đón gió đông,
  thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
Trùng phùng (3) dầu họa có khi,
  thân nầy thôi có còn gì mà mong?
Đã sinh ra số long-đong,
  còn mang lấy kiếp mà hồng đặng sao.
Trên ăn sẵn có con dao,
  giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước đã đến chơn,
  dao nầy thì liệu với thân phận nầy.
Đêm sầu một khắc một chầy,
  bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.
Chẳng ngờ gã *Mã-giám-sinh*,
  vẫn là một đứa phong tình (4) đã quen.
Quả chơi lại gặp hồi đen,
  quen vùng lại kiếm ăn miền nguyệt hoa. (5)
Lầu xanh (6) có mụ *Tú-bà*,
  làng chơi (7) đã trở về già hết duyên.

---

(1) Hoài công Tiếc công, uổng công.
(2) Người tình chung. *Kim-trọng*.
(3 Trùng-phùng. Gặp lại,
(4) Phong tình. – Trai gái.
(5) Nguyệt hoa. — Trai gái.
(6) Lầu xanh.—Lầu đỉ hay vẽ sắc xanh, nên kêu là *Thanh lâu*.
(7) Làng chơi. Bợm chơi.

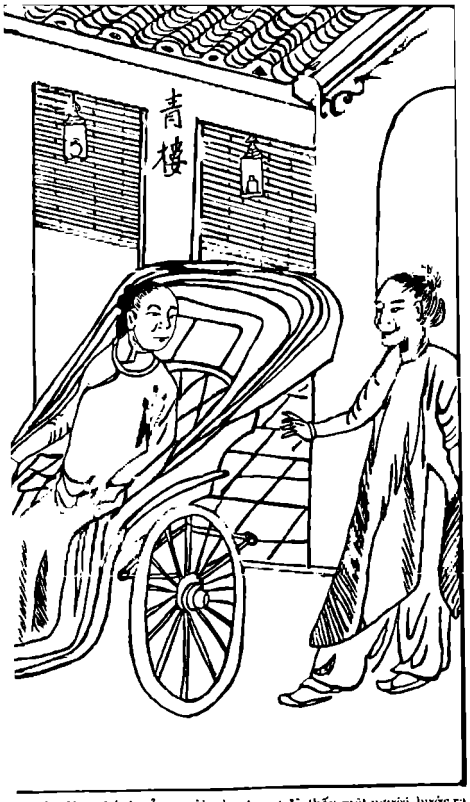

châu dừng bánh cửa ngoài, rèm trong đã thấy một người bước ra
oát trông lợt-lợt màu da, ăn chi cao lớn đẫy-đà làm sao!

(Coi trương 73-74)

Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
  mạt cưa mướp đắng (1) đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng (2)
  quanh năm buôn phấn bán hương đã lề (3)
Dạo tìm khắp chợ thi quê,
  giả danh hầu-hạ dạy nghề ăn-chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
  đoạn trường lại chọn một người vô duyên.
Xót nàng chút phận thuyền quyên, (4)
  nhành hoa đem bán vào thuyền lái-buôn.
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn, (5)
  sinh nghi nạp giá nghinh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm cờ đã đến tay,
  càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc hoàng.
Đã nên quốc sắc thiên hương,
  một cười nấy hẳn ngàn vàng chẳng ngoa.
Về đây nước trước bể hoa,
  vương tôn quí khách, ắt là đua nhau.
Ba bốn trăm lượng thử dâu,
  cũng là vừa vốn, còn sau thì lời.
Miếng ngon kề đến tận nơi,
  vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
  thì vin nhành quít cho cam sự đời.

---

(1) Mướp đắng. — Khổ qua, đồ đắng ai thèm. Mạt cưa. — Đồ vô dụng
(2) Ngôi hàng. — Cửa hàng, cái hàng.
(3) — Nuôi đĩ, bán đĩ đã quen.
(4) Thuyền quyên. — Con gái tốt.
(5) — Mắc mớp.

Dưới trần mấy mặt láng-chơi,
  chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ?
Nước vỏ lựu máu mồng gà, (1
  mượn màu chiếu tập lại là còn nguyên.
Mập-mờ dánh-lận con đen, (3
  bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi.
Mụ già hoặc có đều gì,
  liều công mất một buổi qui mà thôi.
Đến đây dàng-sá xa-xuôi,
  mà ta bất động nữa người sanh nghi.
Tiếc thay một đóa trà-mi,
  con ong đã mở đàng đi lối về. (4
Một cơn mưa gió nặng-nề,
  thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương ?
Tiệc xuân một giấc mơ-màng,
  đuốc hoa để đó một nàng ngồi trơ.
Nỗi riêng tầm-tã (5) tuôn mưa,
  Phần e nỗi khách, phần lo nỗi mình.
Tuông chi là giống hôi-tanh ?
  thân ngà vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong,
  đời người thôi thế là xong một đời.

(1 — Nước vỏ lựu sắc để mà rửa trong cửa mình cho sàn thịt. Máu mồng gà, cắt ra bỏ vô là hành mà chỉ còn con gái, còn nước dâu. Đồ làm máu.

(2) Chiếu tập. — Nhóm lại, sàn da lại.

(3) Con đen. — (Lê dân) = người phàm phu.

(4) — Tiếc con gái tử-tế như hoa trà-mi bị dứa bậy là ong bướm tới nút nhuỵ.

(5) Tầm tã. — Lã-chã.